



yǒng shēng

永生

noun · eternal life; immortality

Example Sentences

xǔ duō shén huà gù shì lǐ dōu yǒu zhuī qiú yǒng shēng de qíng jié
许多神话故事里都有追求永生的情节。

Many mythological stories have plots about seeking eternal life.

tā xiāng xìn línɡ hún kě yǐ yǒng shēng
他相信灵魂可以永生。

He believes the soul can have eternal life.

Trace each character, then write the word on your own.

永	永	永	永	永	永	永	永												
生	生	生	生	生	生	生	生												